

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



VAN PHÁT HƯNG

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG
VAN PHAT HUNG CORPORATION
(đã được sửa đổi, bổ sung tại ĐHĐCĐ 2014)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích từ ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
III. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	12
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Chủ tịch, Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	22
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	25
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	25
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.....	25
Điều 31. Thư ký Công ty	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	27
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 33. Ban kiểm soát	28

X.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	29
	Điều 34. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	29
	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
	Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	31
	Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	31
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	31
	Điều 39. Phân phối lợi nhuận	Error! Bookmark not defined.
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
	Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	32
	Điều 41. Năm tài chính	32
	Điều 42. Chế độ kế toán	32
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	32
	Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	32
	Điều 44. Báo cáo thường niên.....	33
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	33
	Điều 45. Kiểm toán.....	33
XVII.	CON DẤU	34
	Điều 46. Con dấu.....	34
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	34
	Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	34
	Điều 48. Gia hạn hoạt động	34
	Điều 49. Thanh lý.....	34
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
	Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	35
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
	Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	35
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC.....	36
	Điều 52. Ngày hiệu lực	36
	<i>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.</i>	
	36

PHẦN MỞ ĐẦU

i u l này ã c c p nh t n i dung s a i, b sung l n th 5 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông th ng niên Công ty n m 2014 chính th c thông qua vào ngày 18/04/2014 (ch nh s a theo i u l m u quy nh t i Thông t s 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 n m 2012 c a B Tài chính quy nh v qu n tr công ty áp d ng cho các công ty i chúng). Tr c ó, i u l Công ty ã c ch nh s a i, b sung l n th 4 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 20 tháng 03 n m 2012; s a i, b sung l n th 3 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 30 tháng 03 n m 2011, s a i, b sung l n th 2 theo i u 4 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 17 tháng 04 n m 2010, s a i, b sung l n u theo Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 18 tháng 10 n m 2008 (ch nh s a theo i u l m u áp d ng i v i các Công ty niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán/trung tâm giao d ch ch ng khoán ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2007/Q -BTC c a B Tr ng B Tài Chính ngày 19/3/2007).

B n i u l này thay th i u l c i h i ng c ông thông qua ngày 18 tháng 09 n m 2006 (th i i m chuy n i hình th c t Công ty TNHH V n Phát H ng sang Công ty C ph n V n Phát H ng).

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:
 - "**Vốn điều lệ**" là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i u l này.
 - "**Luật Doanh nghiệp**" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 12 n m 2005.
 - "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.
 - "**Cán bộ quản lý**" là T ng giám c i u hành, Phó t ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.
 - "**Người có liên quan**" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i i u 4.17 c a Lu t Doanh nghi p.
 - "**Thời hạn hoạt động**" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
 - "**Việt Nam**" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
- Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.
- Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho v i chi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;
- Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên ti ng Vi t: Công ty C ph n V n Phát H ng

- Tên tiếng Anh: Van Phat Hung Corporation
 - Tên giao dịch: V n Phát H ng
 - Tên viết tắt: VPH Corp
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
 3. Tr s ng ký c a Công ty là:
 - a ch : 89 Hoàng Qu c Vi t, Ph ng Phú Thu n, Qu n 7, Tp. H Chí Minh.
 - i n tho i: (84-08) 3785 0011 - 3785 0999
 - Fax: (84-08) 3785 4422 ó 3785 2500
 - E-mail: info@vanphathung.com.vn
 - Website: <http://www.vanphathung.com>
 4. T ng giám c i u hành là i đi n theo pháp lu t c a Công ty.
 5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i đi n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.
 6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 49.2 và i u 50 ho c gia h n ho t ng theo i u 51 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty s b t u t ngày thành l p và là 50 n m.

III. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là:
 - Xây d ng dân d ng.
 - San l p m t b ng.
 - Mua bán v t li u xây d ng hàng trang trí n i th t.
 - Kinh doanh nhà.
 - L p t c ng thoát n c.
 - Xây d ng ng giao thông.
 - S n xu t ng c ng bê tông c t thép (không ho t ng t i tr s).
 - o t a chính.
 - Xây l p i n d i 35KV.
 - Môi gi i b t ng s n.
 - D ch v nhà t ó t v n b t ng s n.
 - Cho thuê kho, bãi xe (không ho t ng t i tr s).
 - Cho thuê nhà ph c v m c ích kinh doanh.
 - D ch v qu n lý b t ng s n (cao c, chung c).
 - Xây d ng công trình công nghi p, c u c ng.
 - T v n qu n lý d án.
 - L p th th ng phòng cháy ch a cháy, h th ng c i n l nh.
 - Ch t o, l p ráp, mua bán máy móc thi t b x lý rác và x lý môi tr ng (không ch t o t i tr s).
 - Trang trí n i ngo i th t.
 - S n xu t bê tông ó t m bê tông úc s n- ng- c t bê tông- c c bê tông c t thép- g m s -v t li u ch u l a- g ch- b t ma út (không s n xu t t i tr s).

- Tr n bê tông khô ó t (không ho t ng t i tr s).
- Tr ng r ng (không ho t ng t i Tp.HCM).
- D ch v phòng ch ng cháy r ng.
- D ch v cung c p gi ng cây tr ng r ng.
- Khai thác, s ch g - thu l m lâm s n (không ho t ng t i Tp.HCM).
- S n xu t g - s n mài- ch m kh m trang trí (tr tái ch ph th i, s n xu t g m s th y tinh-xi m i n).
- L p t, mua bán h th ng báo cháy-báo tr m.
- D ch v gi i thi u vi c làm.
- D ch v d n d p, trang trí phong c nh.
- V sinh bên ngoài h b i, c ng rãnh.
- Xây d ng h t ng khu dân c .
- D ch v s àn giao d ch b t ng s n.
- *Giáo dục mầm non.*
- *Giáo dục tiểu học.*
- *Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.*
- *Giáo dục nghề nghiệp (không ho t ng t i tr s).*
- *Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).*
- *Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).*
- *Giáo dục thể thao và giải trí.*
- *Giáo dục văn hoá nghệ thuật.*
- *Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính; Giáo dục dự bị; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.*
- *Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.*
- *Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan./.*

2. M c ích ho t ng c a Công ty là:

- Xây d ng Công ty thành m t t ch c kinh t a ngành; d n u trong l nh v c u t và kinh doanh b t ng s n; phát tri n nhanh và b n v ng d a trên n n t ng u t và phát tri n b t ng s n;
- T i a hóa l i nhu n cho Công ty và các c ông trên c s y m nh s n xu t kinh doanh, ng d ng công ngh m i, qu n tr t t nh t các ngu n l c;
- Phát tri n ngu n nhân l c, m b o quy n l i chính áng và t o môi tr ng làm vi c t t nh t cho ng i lao ng;
- Th c hi n y các ngh a v v i nhà n c, góp ph n vào s phát tri n th nh v ng c a t n c.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy nh c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c H i ng qu n tr phê chu n.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. V n i u l c a công ty: **302.086.840.000 đồng đồng** (Ba trăm lẻ hai tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 30.208.684 (Ba mươi triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm tám mươi bốn) c ph n ph thông v i m nh giá là 10.000 ng/01 c ph n (Mười ngàn đồng trên một cổ phần).
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ô ng thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo lo i c ph n này c quy nh t i i u 11 và i u 12 c a i u l này.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ô ng và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ô ng sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p s c nêu t i ph l c s 01 ính kèm. Ph l c s 01 là m t ph n c a i u l này.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ô ng hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ô ng quy nh khác. Công ty ph i thông báo vi c chào bán c ph n, trong thông báo ph i nêu rõ s c ph n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p (t i thi u hai m i ngày làm vi c) c ô ng có th ng ký mua. S c ph n c ô ng không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ô ng hi n h u, tr tr ng h p i h i ng c ô ng ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c ph n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán.
7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n ph thông do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này và Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ô ng nh t trí thông qua b ng v n b n và phù h p v i quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. C ô ng c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u, tr tr ng h p quy nh t i Kho n 7 c a i u 6.

2. Công ty và chủ sở hữu của Công ty và chủ sở hữu của Công ty theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty và chủ sở hữu của Công ty phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà công ty đang nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi công ty và chủ sở hữu ghi danh cổ phiếu này chỉ để cho mục đích phân.
3. Trong tháng 07 (Bảy) kế tiếp ngày nộp hồ sơ chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong tháng hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo yêu cầu phát hành quy định) kế tiếp ngày thanh toán ý định mua cổ phần theo quy định của pháp luật phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ tiếp tục công ty và chủ sở hữu của Công ty. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì.
4. Trường hợp chuyển nhượng quyền ghi danh trong chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cổ phần và chứng chỉ ghi nhận số phần còn lại sẽ tiếp tục miễn phí.
5. Trường hợp công ty và chủ sở hữu ghi danh bằng hợp đồng ký kết hoặc bất kỳ hình thức nào, tất cả phải tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của pháp luật về chứng chỉ cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ qua chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành chứng chỉ ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng chỉ ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) để chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và luật này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trái phiếu chào bán, các chứng chỉ tài trợ và các tài liệu tài trợ), sẽ được phát hành có đủ và chủ sở hữu của trái phiếu này chỉ để cho mục đích phân và chỉ để cho mục đích phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các chứng chỉ cổ phần có thể được chuyển nhượng trừ khi luật này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Chứng chỉ cổ phần của công ty không được chuyển nhượng và hợp đồng.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp công không thanh toán y và ứng h n s t i n p h i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo ứng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. Trường hợp các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n, tr c khi thanh toán y t t c các kho n p h i n p, các kho n lãi và các chi phí liên quan, H i ng qu n tr có quy n thu h i s c ph n ó. H i ng qu n tr có th ch p nh n vi c giao n p các c ph n b thu h i theo quy nh t i các Kho n 4, 5 và 6 và trong các tr ng h p khác c quy nh t i i u l này.
4. C ph n b thu h i s tr thành tài s n c a Công ty. H i ng qu n tr có th tr c t i p h o c y quy n bán, tái phân ph i h o c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i h o c các i t ng khác theo nh ng i u k i n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. Công n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l không quá 1,5 l n lãi su t 12 tháng c a Ngân hàng Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn Vi t Nam vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i h o c có th m i n gi m thanh toán m t p h o c toàn b s t i n ó.
6. Thông báo thu h i s c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót h o c b t c n trong vi c g i thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị

C c u t ch c qu n lý c a Công ty bao g m:

- a. i h i ng c ông;
- b. H i ng qu n tr ;
- c. T ng giám c i u hành;
- d. Ban ki m soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Công là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. Công ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:
 - a. Tham gia các i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c t i p h o c thông qua i di n c u quy n;

- b. Nhận xét;
 - c. Thanh toán nợ công phần đã thanh toán y theo quy định của Điều này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tăng vốn từ công ty thông qua thị trường;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến công ty trong danh sách công ty cách tham gia thị trường công và yêu cầu sai các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chụp từ công ty, sổ biên bản họp thị trường công và các nghị quyết của thị trường công;
 - g. Trưởng phòng Công ty ghi thị trường, nhân viên tài sản còn lại tăng vốn từ công ty góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các công nợ khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phiếu của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quy định khác theo quy định của Điều này và pháp luật.
3. Công ty hoặc nhóm công ty nắm giữ trên 5% tổng số cổ phiếu thông qua thị trường liên tục sáu tháng trở lên có các quy định sau:
- a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 24.3 và Điều 35.2;
 - b. Yêu cầu thị trường công;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công ty có quy định tham gia và biểu quyết thị trường công.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tăng vốn từ thị trường liên quan đến quy định, Điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi nhận bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số ký kinh doanh nếu là tổ chức; số công ty và thẩm định ký cổ phiếu của công ty, tổng số cổ phiếu của các nhóm công ty và tài sản hữu hình của công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quy định khác theo quy định của Điều này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Công ty có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của thị trường công, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phiếu ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua cổ phiếu;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để làm hình thức thực hiện nhiệm vụ trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác vượt lợi ích của công ty;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra nếu công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng công là quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công thường niên tổ chức minimum 1 lần. Hội đồng công phải họp thường niên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức và điều hành Hội đồng công thường niên và làm chủ nhân sự phù hợp. Hội đồng công thường niên quy định nội dung vận hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, quyết định thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các thành viên có liên quan không được tham dự Hội đồng công thường niên cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng công bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Ngân sách kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề bất thường;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Hội đồng công bất thường và nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công đồng liên quan (và nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công đồng có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cụ thể và Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quy định của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Hội đồng công bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại không quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhóm công đồng yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định tại Khoản 4d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp Hội đồng công có thể thực hiện các nghĩa vụ kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp và xét thấy cần thiết.

- e. Tất cả chi phí cho việc cấu trúc và tiến hành hợp nhất công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công ty chi tiêu khi tham dự hợp nhất công ty, kể cả chi phí nhân và tài liệu.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng công ty thường niên có quyền theo luật và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kế toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng công ty thường niên và bất kỳ thông qua quy định bên dưới sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mốc kết thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan về lợi ích phần vốn. Mốc kết này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên kết công ty;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kế toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Lợi ích phần vốn và số lượng phần trăm được phát hành cho mỗi lợi ích phần vốn, và việc chuyển nhượng các phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổng số cổ phiếu và giấy chứng nhận (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công ty con của Công ty;
 - l. Quy định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% mỗi lợi ích phần vốn phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành ứng cử làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của Công ty;

3. Công ty không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này khi công ty hoặc người có liên quan tới công ty đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua các phần của công ty đó hoặc của người có liên quan tới công ty đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản của vào chương trình họp phải có sự ra đời của luật và bị quy định rõ ràng.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các công ty có quyền tham dự hội đồng công ty theo luật pháp có thẩm quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền của thì phải xác định rõ số phiếu và số phiếu bầu của mình người đại diện.
2. Văn bản ủy quyền cho người đại diện họp hội đồng công ty phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp công ty cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của công ty và người ủy quyền đồng ý;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của công ty là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của công ty và người ủy quyền đồng ý;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty và người ủy quyền đồng ý.

Người ủy quyền đồng ý họp hội đồng công ty phải văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật thay đổi cho người ủy quyền ký giấy ủy quyền người đại diện, văn bản ủy quyền người đại diện trong trường hợp này chỉ có hiệu lực nếu giấy ủy quyền người đại diện đó xuất trình cùng với văn bản ủy quyền cho luật sư hoặc văn bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền đó (nếu trường hợp không ký với Công ty).
4. Trường hợp quy định tại khoản 3 của điều 15, người ủy quyền của người ủy quyền đồng ý trong phạm vi văn bản ủy quyền văn bản có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ thẩm quyền của người ủy quyền hiện tại ủy quyền.

Người ủy quyền này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sự kiện trên văn bản ủy quyền ủy quyền khai mạc cuộc họp hội đồng công ty hoặc trước khi cuộc họp kết thúc.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quy định của hội đồng công ty (trong các trường hợp quy định tại điều 14.2 liên quan đến việc phân chia Công ty thành các loại cổ phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định về việc phân phối lợi nhuận của công ty thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của phần đã phát hành lợi ích.
2. Việc tổ chức họp trên cơ sở giá trị khi có hai cuộc họp (hoặc người đại diện ủy quyền của họ) và nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị danh sách các cổ phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự biểu quyết nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba ngày sau đó và

những người nắm giữ cổ phần thuộc loại (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của họ được coi là số lượng bị yêu cầu. Tất cả các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bị loại trừ và miễn trừ khi bị loại trừ có mặt là phi thường cho các phiên họp thuộc loại.

3. Tất cả tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy để thể hiện tất cả các quy định từ điều 18 và điều 20.
4. Trường hợp khi có sự thay đổi quy định khác, các quy định bắt buộc liên quan đến việc các loại cổ phần có quy định về việc mua hoặc bán các cổ phần liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập hội đồng, hoặc hội đồng có quyền triệu tập theo các trường hợp quy định từ điều 13.4b hoặc điều 13.4c.
2. Người triệu tập hội đồng phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và bị yêu cầu triệu tập hội đồng trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hội đồng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác nhận thời gian và địa điểm họp;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp hội đồng cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
3. Thông báo họp hội đồng phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ thảo luận và bị yêu cầu triệu tập hội đồng về việc các cổ đông đã thực hiện việc ký phiếu, thông báo họp hội đồng có thể gửi trực tiếp cho cổ đông, gửi qua thư điện tử, hoặc thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, hoặc thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Người triệu tập phải gửi thông báo họp hội đồng cho các cổ đông bằng văn bản hoặc fax hoặc qua thư điện tử, thông báo họp hội đồng có thể gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương tiện bất kỳ khác để đảm bảo việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản hoặc fax hoặc qua thư điện tử, thông báo họp hội đồng có thể gửi qua fax hoặc qua thư điện tử. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể gửi trong phong bì dán kín gửi tay hoặc tin nhắn làm việc. Thông báo họp hội đồng phải gửi trực tiếp ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp hội đồng, (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện bất kỳ, trừ trường hợp gửi vào hộp thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp hội đồng phải công bố trên website của Công ty ngay từ việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Công ty hoặc nhóm cổ đông có quyền triệu tập từ điều 11.3 của điều lệ này có quyền xuất các vấn đề vào chương trình họp hội đồng. Người triệu tập phải làm bằng văn bản và phải gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc hội đồng. Người triệu tập phải bao gồm

và tên công, số lượng và loại phần ứng in m gi, và nội dung ghi
vào chứng trình h p.

5. Nguyên tắc phương pháp ghi nợ công có quy định chi tiết như sau:
 - a. Xuất phát từ nguyên tắc không ứng tiền hay không ứng nội dung;
 - b. Vào thời điểm xuất, công hoặc nhóm công không có ít nhất 5% cổ phần thông qua thị trường liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Việc xuất không thu về phần vốn quy định của ghi nợ công bản cục và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề nghị quy định cho công trong chứng trình h p.
7. Trường hợp tất cả công đi đến 100% số phần có quy định quy định tại điểm tham dự hoặc thông qua đi đến cuối quy định ghi nợ công, nhưng quy định ghi nợ công nhất trí thông qua được coi là hợp lệ kể trong trường hợp vì nguyên tắc ghi nợ công không theo ứng tiền hay nội dung quy định không có trong chứng trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ghi nợ công có thể tiến hành khi có số công dự định cho ít nhất 65% số phần có quy định quy định.
2. Trường hợp không có số lượng dự định trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm mở đầu, ghi nợ phải tiếp tục trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày diễn ra các ghi nợ công lần thứ nhất. Ghi nợ công tiếp tục có thể tiến hành khi có thành viên tham dự là các công và những dự định cuối cùng dự định cho ít nhất 51% số phần có quy định quy định.
3. Trường hợp ghi nợ lần đầu tiên không có thể tiến hành do không có số dự định trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm mở đầu, ghi nợ công lần thứ ba có thể tiếp tục trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày diễn ra lần đầu tiên, và trong trường hợp này ghi nợ có thể tiến hành không phụ thuộc vào số công hay dự định quy định tham dự và được coi là hợp lệ và có quy định quy định các vấn đề mà ghi nợ công lần đầu tiên có thể phê chuẩn.
4. Theo nghị quyết của ghi nợ công có quy định thay đổi chứng trình h p đã ghi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 17.3 của luật này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ghi nợ công, Công ty phải thiết lập các công và phải thiết lập các công ký cho công có quy định hợp lệ.
2. Khi tiến hành ghi nợ công, Công ty sẽ cho công hoặc dự định cuối cùng quy định quy định tại điểm quy định, trên đó có ghi số ký, họ và tên của công, họ và tên dự định cuối cùng và số phiếu biểu quyết của công đó. Khi tiến hành biểu quyết tại ghi nợ, sẽ không ghi

quy tắc thu trước, số thành phần trong quy tắc thu sau, cụ thể cùng một tiếng sẽ phi u tán thành hay phần nào quy tắc. Tiếng phi u nghe, phần phi u tán thành hoặc phi u trước, số Ch từ thông báo ngay sau khi tiến hành biên quy tắc văn. Phi u tán thành trong số phi u như tiếng phi u trách nhiệm kiểm phi u hoặc giám sát kiểm phi u và nếu phi u không chính thì Ch từ sẽ chính như tiếng phi u. Số thành viên của ban kiểm phi u không quá ba người.

3. Công nhân phi u công nhân có quy định ký ngay và sau đó có quy định tham gia và biên quy tắc ngay tại phi u. Ch từ không có trách nhiệm đăng phi u cho công nhân mua quy định và hiệu lực của các biên quy tắc tiến hành trước khi công nhân mua tham dự không bình thường.
4. Phi u công nhân do Ch từ chỉ H i công nhân trực tiếp, trực tiếp Ch từ chỉ H i công nhân trực tiếp thì Phó Ch từ chỉ H i công nhân trực tiếp là người chỉ phi u công nhân trực tiếp. Trực tiếp không ai trong số họ có thể chỉ phi u, thành viên H i công nhân trực tiếp cao nhất có mặt sẽ chỉ phi u trước Ch từ của phi u công nhân, Ch từ không nhất thiết phải là thành viên H i công nhân. Ch từ chỉ, Phó Ch từ chỉ hoặc Ch từ của phi u công nhân trực tiếp ký lập biên bản phi u. Trực tiếp trước Ch từ, tên Ch từ của phi u và số phi u trước Ch từ của phi u công nhân.
5. Quy định của Ch từ về trình tự, thời gian hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của phi u công nhân mang tính phán quyết cao nhất.
6. Ch từ phi u công nhân có thể hoãn phi u ngay cả trong trực tiếp phi u đã có số phi u cần thiết nhưng thời gian khác và thời gian do Ch từ quy định mà không cần lý do của phi u như như như (a) các thành viên tham dự không thể chấp nhận tiến hành phi u, (b) hành vi của công nhân có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp (c) sự hoãn là cần thiết các công việc của phi u cần tiến hành một cách hợp lý. Ngoài ra, Ch từ phi u có thể hoãn phi u khi có sự bất trí hoặc yêu cầu của phi u công nhân đã có số phi u biên quy định phi u. Thời gian hoãn tiến hành không quá ba ngày kể từ ngày diễn khai mạc phi u. Phi u lập tức xem xét các công việc của phi u để quyết định hoãn tiến hành phi u.
7. Trực tiếp Ch từ hoãn hoặc tạm dừng phi u công nhân trái với quy định tại khoản 6 của 19, phi u công nhân trực tiếp khác trong số công nhân tham dự thay thế Ch từ tiến hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực của các biên quy tắc cuộc họp không bình thường.
8. Ch từ của phi u hoặc Thủ ký phi u có thể tiến hành các hoạt động mà họ yêu cầu phi u khi phi u công nhân một cách hợp lý và có trật tự; hoặc phi u phản ánh mong muốn của các thành viên.
9. H i công nhân có thể yêu cầu các công nhân đi đến cuộc quy định phi u công nhân của kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà H i công nhân cho là thích hợp. Trực tiếp có công nhân đi đến cuộc quy định không chấp thuận quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, H i công nhân sau khi xem xét một cách công bằng có thể chỉ phi u trước cuộc phi u công nhân nói trên tham gia phi u.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:
- Điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Đảm bảo an toàn cho mình nếu có một thành viên khác;
 - Tổ chức họp cho Hội đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) khác.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay thế những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp của Hội đồng quản trị theo nhu cầu. Các biện pháp áp dụng có thể là các quy định vào các hoạt động kinh doanh hình thức khác.

11. Trong trường hợp tiếp theo Hội đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định các điều kiện có thể:
- Thông báo rằng Hội đồng có thể tiến hành tiếp theo các thông tin ghi trong thông báo và cho Hội đồng có một thành viên khác (hoặc thành viên khác);
 - Đảm bảo, tất cả các thành viên Hội đồng hoặc điều kiện quy định không được áp dụng theo điều kiện này hoặc những người khác tham gia các điều kiện khác vì thành viên khác có thể tiếp tục tham dự khác.

Thông báo về việc tiếp theo khác Hội đồng không cần nêu chi tiết những biện pháp tiếp theo theo điều kiện này.

12. Trong điều kiện này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), một Hội đồng sẽ coi là tham gia Hội đồng thành viên khác.

Hàng năm Công ty phải tiếp theo Hội đồng ít nhất một lần. Hội đồng thành viên không thể tiếp theo hình thức lý do kinh doanh và bản thân.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quy định của Hội đồng thành viên sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Hội đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua điều kiện quy định của Hội đồng thành viên khác.
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Khoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.
- Các quy định của Hội đồng thành viên liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các Hội đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua điều kiện quy định của Hội đồng thành viên khác.
- Các quy định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng thành viên sẽ được thông qua và được quy định tham dự điều kiện 100% tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và thực hiện tại cuộc họp.

nội dung chương trình hợp và thẩm định hành hợp không thể chỉ nêu ngắn gọn quy định.

4. Trường hợp thông qua quyết định hình thức ủy quyền bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng cổ đông thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông ít nhất 75% tổng số phiếu bầu quy tắc thu.
5. Trường hợp, vì ủy quyền bằng văn bản không phù hợp với khoản 4 điều này thì ủy quyền bằng văn bản lần thứ hai được thực hiện trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc ủy quyền lần thứ nhất. Việc thông qua quyết định ủy quyền bằng văn bản của Hội đồng cổ đông lần thứ hai được thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quy tắc thu.
6. Quyết định của Hội đồng cổ đông phải được thông báo công khai có quy định hợp lý về Hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thẩm thức ủy quyền của Hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông thể hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền của Hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty kể từ ngày hợp đồng thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông và tổng số phiếu bầu tại Hội đồng cổ đông chào bán;
2. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm ủy quyền, đồng thời quyết định của Hội đồng cổ đông và các tài liệu đi kèm trình đồng thời quyết định. Phiếu ủy quyền kèm theo đồng thời quyết định và tài liệu đi kèm trình phải ghi rõ nội dung phải thực hiện, nội dung cách thức thực hiện và số phiếu bầu quy tắc thu;
3. Phiếu ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân hoặc địa chỉ theo quy định của cá nhân là tổ chức; số lượng phiếu bầu và số phiếu bầu quy tắc thu;
 - d. Văn bản ủy quyền thông qua quyết định;
 - e. Phạm vi ủy quyền quy tắc thu bao gồm bán thành, không bán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải ghi về công ty phải ủy quyền để kiểm soát;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu ủy quyền để kiểm soát phải có chữ ký của cá nhân là cá nhân, của người đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của cá nhân là tổ chức.

Phiếu ủy quyền ghi về công ty phải được niêm phong kín và không ai được quy định mở khi kiểm soát. Các phiếu ủy quyền ghi về công ty sau thời hạn xác định nội dung phiếu ủy quyền hoặc đã bị mở không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm soát và lập biên bản kiểm soát tài sản của Ban kiểm soát hoặc các công ty không nắm giữ cổ phần công ty. Biên bản kiểm soát phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua quy trình;
 - c. Số công việc kiểm soát quy trình đã tham gia biên bản quy trình, trong đó phân biệt số biên bản quy trình hợp lệ và số biên bản quy trình không hợp lệ, kèm theo phân loại danh sách công ty tham gia biên bản quy trình;
 - d. Tình trạng kiểm soát thành, không kiểm soát thành và không có ý kiến vì vi phạm;
 - e. Các quy trình đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi kiểm tra theo pháp luật của công ty và các người giám sát kiểm soát.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm soát phải liên hệ chịu trách nhiệm và tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát; liên hệ chịu trách nhiệm và các thủ tục phát sinh từ các quy trình được thông qua do kiểm soát không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm soát kiểm soát phải được gửi đến các công ty trong vòng một tháng, kể từ ngày kết thúc kiểm soát;
7. Phiếu lý giải đã được trả lại, biên bản kiểm soát, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý giải phải gửi lại trụ sở chính của công ty;
8. Quy trình được thông qua theo hình thức lý giải công bằng và bản có giá trị như quy trình được thông qua trực tiếp khi được thông qua.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản hội đồng công ty và gửi cho tất cả các công ty trong vòng 15 ngày khi hội đồng công ty kết thúc. Biên bản hội đồng công ty coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại hội đồng công ty khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản của các thành viên theo đúng thủ tục quy định trong vòng một tháng kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký, và có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tài liệu này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các công ty dự họp và văn bản quy định tham dự phải gửi lại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hội đồng công ty hoặc biên bản kiểm soát kiểm soát lý giải tại hội đồng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy trình của hội đồng công ty trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hội đồng công ty không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và nội dung công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định về phạm pháp luật hoặc nội bộ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng thành viên Hội đồng quản trị cấp không chịu hành phi chi miễn thuế miễn thuế ba phần trăm tổng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các công sở lập ra theo luật lệ của các phần của công sở lập ra. Các công sở lập ra quy định phần trăm của phần vào và nhau về phần của các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các công sở năm gi trên 5% số phần có quy định quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quy định phần quy định của các công sở lập ra và các thành viên Hội đồng quản trị. Công sở năm nhóm công sở năm gi trên 5% nên đi 10% số phần có quy định quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% nên đi 30% của các thành viên; từ 30% nên đi 50% của các thành viên; từ 50% nên đi 65% của các thành viên và nếu từ 65% trở lên của các thành viên.
4. Trình tự lập ra các thành viên Hội đồng quản trị thông qua và các công sở lập ra không nên lập ra thì, Hội đồng quản trị nên nhiệm có thể thêm các thành viên hoặc các công sở theo một cách do công ty quy định. Các công sở hay cách thức Hội đồng quản trị nên nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải chịu chi phí của công sở thông qua các khi tiến hành.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không thể cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc luật pháp của công sở làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó bị mất quyền xin chức vụ chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị mất tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuyên môn chuyên môn thì đó không còn nên lập ra hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyền cho các công sở lập ra này bầu ra;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị miễn thay thế chức vụ phát sinh và thành viên miễn này phải chịu phần thuế miễn thuế công sở ngay lập tức sau đó. Sau khi công sở lập ra công sở lập ra,

việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ coi là có hiệu lực vào ngày mà Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế kế toán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là quan cố ý quy định thẩm quyền và trách nhiệm của các quy định nhân danh Công ty trước khi thực hiện công việc.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của chính quyền quy định. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:
 - a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của chính quyền quy định;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và quy định nội bộ của Công ty;
 - d. Quy định các cấu trúc của Công ty;
 - e. Giám sát các khiếu nại của Công ty về việc các cán bộ quản lý công nhân quy định nhân viên đi làm của Công ty giám sát các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của công nhân viên quản lý;
 - f. Xuất các loại phiếu có thể phát hành và tăng số phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định;
 - h. Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay các cán bộ quản lý công nhân viên đi làm của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tốt nhất của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên (nếu có);
 - j. Xuất mức thuế hàng năm và xác định mức thuế thu nhập cá nhân; thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - k. Xuất việc tái cấu trúc của Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đi làm của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ những quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do chính quyền quy định, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định việc thâu thập, sử dụng và phân bổ các nguồn lực của Công ty

- (bao gồm các hình thức mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
- d. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty là gì và địa điểm kinh doanh và Luật của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thanh toán các khoản thuế, bảo hiểm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản nợ không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 20 (Hai mươi) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản nợ vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bất động sản công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mệnh giá cổ phiếu;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nhưng phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quy định về giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo định kỳ công việc hoạt động của mình, chức năng và nhiệm vụ giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy viên Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho định kỳ công việc, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý địa phương công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các địa điểm ủy quyền thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do định kỳ công việc quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải ghi chi tiết trong báo cáo tài chính niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị không giữ chức vụ điều hành (bao gồm chủ tịch, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thanh toán những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trả gộp theo tháng, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc định kỳ công việc.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị bầu ra tại Đại hội đồng. Trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị nhậm chức, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm trực tiếp và chịu trách nhiệm về Hội đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 90 ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác theo quy định pháp luật có hiệu lực trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất trực tiếp. Trường hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số những người họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp để kiến nghị. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần triệu tập trước nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra: a. Tổng giám đốc của Công ty từ chức; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Tất cả thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải có hiệu lực trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày sau khi có quyết định. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp hành nhiệm vụ triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì lợi ích của Công ty; những người khác chấp hành theo Quyết định của Hội đồng quản trị tại Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để xem xét báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .
7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th đ h p.

Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.
8. S thành viên tham đ t i thi u. Các cu c h p c a H i ng qu n tr ch c ti n hành và thông qua các quy t nh khi có ít nh t ba ph n t s thành viên H i ng qu n tr có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n thay th .
9. Bi u quy t.
 - a. Tr quy nh t i Kho n 9b i u 27, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c u quy n tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr s có m t phi u bi u quy t;
 - b. Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. M t thành viên H i ng s không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c m t cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;
 - c. Theo quy nh t i Kho n 9d i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b m t cách thích áng;
 - d. Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m th p ng c quy nh t i i u 33.4a và i u 33.4b c a i u l này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.
10. Công khai l i ích. Thành viên H i ng qu n tr tr c ti p ho c gián ti p c h ng l i t m th p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang đ ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Ho c thành viên này có th công khai i u ó t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau

khi thành viên này bị trừ ng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc liên quan.

11. Bị ủy quyền theo các quy định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên in tho i hoc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý bằng văn bản khác nhau và vì vậy không làm thành viên tham gia họp có thể:
 - a. Nghe thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua in tho i hoc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video conference thông tin này diễn ra vào thời điểm thông qua nội dung này) hoặc là kết quả của nghị quyết của Hội đồng quản trị. Theo nội dung này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là đồng ý với nội dung cuộc họp thực hiện theo quy định này là nội dung mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng ý chấp thuận, hoặc nếu không có một nhóm khác, là nội dung mà Chủ tịch chấp thuận.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua in tho i hoc thực hiện và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp bằng việc ký các thành viên biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng bất kỳ phương tiện nào cùng một văn bản nếu số có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và nội dung biên bản đó sẽ phải được xem xét bằng cách xác thực và công bố nội dung biên bản trong thời hạn một ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể được ký bởi một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện

quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn và quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể được bổ sung hoặc thay đổi thêm nếu Hội đồng không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu chuẩn nêu trên và cho phép người có thẩm quyền quy định về cách thành viên của Hội đồng (a) phải bổ sung thành viên bên ngoài ít nhất một thành viên của Hội đồng và (b) quy định các tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý của thành viên tham dự và bị quy định trong phiên họp của Hội đồng là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành vi. Các hành vi thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của Hội đồng quản trị thu của Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp bị hủy, chỉ thành viên của Hội đồng hoặc Hội đồng quản trị có thể khiếu nại.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quy định mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nắm quyền lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc điều hành có thẩm quyền là thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bổ nhiệm quy định thông qua một cách hợp pháp.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Tổng giám đốc điều hành và các chủ sở hữu của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ duy trì và lo ngại cán bộ quản lý cần thiết cho phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ yêu cầu. Cán bộ quản lý phải có sự đồng ý của Hội đồng quản trị và thực hiện của Công ty tất cả các mục tiêu đưa ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều kiện khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quy định của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong hồ sơ công đồng thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá ba (03) năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể bị hủy bỏ nếu không phù hợp với các quy định về hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là

những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vì thành niên, người không nên làm hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên phá sản.

3. Quy định và nhiệm vụ. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm quy định và trách nhiệm sau:
 - a. Thúc đẩy các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ thị của Tổng giám đốc, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch xuất của Công ty đã được Hội đồng quản trị và chỉ thị của Tổng giám đốc thông qua;
 - b. Quy định tất cả các vấn đề không có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tài chính và chịu trách nhiệm kinh doanh thương mại của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Kiểm soát và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị xuất, và tận dụng Hội đồng quản trị quy định nhân công, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định số lượng người lao động, nhân công, trợ cấp, lợi ích, phúc lợi, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp của kế hoạch tài chính năm nay.
 - f. Thúc đẩy kế hoạch kinh doanh hàng năm của chỉ thị của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Xuất hiện bị pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho tổng năm tài chính sẽ trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt báo cáo thông tin quy định tại các quy định của Công ty.
 - i. Thúc đẩy tất cả các hoạt động khác theo quy định của luật này và các quy định của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và chỉ thị của Tổng giám đốc về việc thúc đẩy nhiệm vụ và quy định của giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi có hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc chịu trách nhiệm) và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm bãi nhiệm có quy định về vị trí bãi nhiệm này tại chỉ thị của Tổng giám đốc trình theo quy định.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chọn một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy theo thẩm quyền. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ định công theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội quy công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán chấp hành theo chỉ định của kế toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chọn một thành viên là chủ tịch của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hosting với cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên chỉ định công đồng.
2. Công nợ miễn trừ trên 5% của phần có quy định bị quy định trong thẩm quyền liên tục ít nhất sáu tháng có thể phải phải vào và vào nhau của các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nợ nhóm công nợ miễn trừ trên 5% đến 10% của phần có quy định bị quy định trong thẩm quyền liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% đến 30% của các hai thành viên; từ 30% đến 50% của các ba thành viên; từ 50% đến 65% của các bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do chỉ định công đồng bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị loại bỏ nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tồn tại cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- b. Thành viên có trách nhiệm thông báo công trình chính cho Công ty;
- c. Thành viên có trách nhiệm và các thành viên khác của Ban kiểm soát có năng lực chuyên môn công nghệ để không còn nghi ngờ gì về hành vi;
- d. Thành viên có trách nhiệm không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên có trách nhiệm và đã phân quyền công việc này tiếp tục;
- e. Thành viên có trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều này, chức vụ là nhiệm vụ quy định và trách nhiệm sau đây:
 - a. Hỗ trợ các nhân viên công ty kế toán lập, kiểm tra sổ sách kế toán và liên quan đến rút lui hay bãi nhiệm của công ty kế toán lập;
 - b. Thorough kiểm tra kế toán viên lập và tính chính xác và phạm vi kế toán trước khi bắt đầu việc kế toán;
 - c. Xin ý kiến từ chuyên gia độc lập hoặc từ pháp lý và mời mời tham gia của nhà chuyên gia bên ngoài công ty vì kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thorough nghiên cứu khó khăn và tiềm năng phát hiện các khuyết tật kế toán giả mạo hoặc các sai sót mà kế toán viên lập luận bàn bạc;
 - f. Xem xét thẩm quyền của kế toán viên lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những khuyết tật nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các ban quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan liên quan đến Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký Công ty phải báo cáo rõ ràng toàn bộ bản sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẵn sàng cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là 02 (hai) người.
4. Tổng mức thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ thanh toán các khoản chi phí liên

khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c liên quan n ho t ng kinh doanh c a Công ty

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý c u thác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các tỉ u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c và theo ph ng th c mà h tin là vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m t m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng th ng có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c at ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác. Nh ng it ng nêu trên ch c s d ng nh ng c h i ó khi các thành viên H i ng qu n tr không có l i ích liên quan ã quy t nh không truy c u v n này.
3. Công ty không c phép c p các kho n vay, b o lãnh, ho c tín d ng cho các thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành, cán b qu n lý và gia ình c a h ho c pháp nhân mà nh ng ng i này có các l i ích tài chính, tr khi i h i ng c ông có quy t nh khác.
4. H p ng ho c giao d ch gi a Công ty v i m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành, cán b qu n lý, ho c nh ng ng i liên quan n h ho c công ty, i tác, hi p h i, ho c t ch c mà m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý ho c nh ng ng i liên quan n h là thành viên, ho c có liên quan l i ích tài chính, s không b vô hi u hoá vì nh ng m i quan h v a nêu, ho c vì thành viên H i ng qu n tr ó ho c cán b qu n lý ó có m t ho c tham gia vào cu c h p liên quan ho c vào H i ng qu n tr hay tỉ u ban ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch, ho c vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bì u quy t v m c ích ó, n u:
 - a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr ho c tỉ u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr ho c tỉ u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán thành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan; ho c
 - b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b

- quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định quy định và nhúng công đồng có thể bị xử lý thành hợp pháp giao dịch này;
- c. Hợp pháp giao dịch có thể bị xử lý cho là công bố và hợp lý xét trên mối liên quan giữa các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hợp pháp này của Hội đồng quản trị hoặc một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thích hợp, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có công đồng thông tin chính thức gây nhúng giá của nhúng phiếu và các công đồng khác lợi ích không bị thông tin này.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự cẩn trọng, miễn trách và vi phạm chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bị thiệt hại. Công ty sẽ bị thiệt hại cho những người, hàng và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại, hàng hoặc có thể bị thiệt hại hành cho dù đây là vì lợi ích dân sự, hành chính (mà không phải là vì lợi ích kinh doanh do Công ty thích hợp hay thu được quy định của Công ty) nhưng người đó hoặc hàng là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty (hay công ty con của Công ty) hoặc quy định, hoặc người đó hoặc hàng làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi làm của một công ty, cá nhân, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí của bị thiệt hại bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuế thu nhập), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình coi là một hợp lý khi gì quy định về lợi ích này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, vì lợi ích kinh doanh người đó hành nghề trung thực, cẩn trọng, miễn trách và vi phạm chuyên môn theo pháp luật mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bị thiệt hại nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Công đồng hoặc nhóm công đồng có quyền trong điều 24.3 và điều 35.2 của điều này có quyền tiếp cận hồ sơ tài liệu hoặc quy định, ghi chép và bản yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công đồng, các biên bản của hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do pháp luật quy định hoặc người đi làm của quy định khác của công đồng phải kèm theo giấy yêu cầu của công đồng mà người đó đi làm hoặc một bên sao công chứng của giấy yêu cầu này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và hành và cán bộ quản lý có quy định kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, danh sách công nợ và sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới công việc của mình vì vậy việc kiểm tra các thông tin này phải công bố.
3. Công ty sản phẩm sữa này và những bên sản xuất, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định thuế, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật thì chính họ cũng không khác việc kiểm tra các công nợ và quan hệ kinh doanh công bố và ai làm việc này.
4. Công ty có quy định Công ty có thể bán sữa công ty miễn phí. Trang web công ty có website riêng, sữa này phải công bố trên website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và hành pháp nhân Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan về việc tuyển dụng, lao động, bồi dưỡng, lương bổng, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật về việc cán bộ quản lý và người lao động công nhân viên quản lý của Công ty về các tổ chức công đoàn công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định về sữa này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng công ty quy định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm và lợi nhuận của công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định mức chi trả cổ tức và kiểm tra xét duyệt về việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mặt lợi của phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định Hội đồng công ty thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ phần của công ty (nhằm phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán) do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
5. Trang hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới mặt lợi của phiếu cổ tức chi trả bằng tiền mặt, Công ty sản phẩm sữa chi trả bằng tiền mặt Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh rút tiền qua bưu điện hoặc bằng các phương thức khác thông thường và trang hợp có rủi ro phát sinh (tính cả các rủi ro khác) thì công ty có thể chi trả. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức cho các khoản tiền khác của chi trả bằng tiền mặt liên quan tới mặt lợi của phiếu cổ tức chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của công nhân viên cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản tiền vào tài khoản ngân hàng của công ty. Trang hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải

chịu trách nhiệm về khoản tín Công ty chuyển cho công thống kê. Việc thanh toán các tài khoản và các chi phí liên quan tới Sổ Giao dịch Ngân khoản có thể thực hiện hành thông qua công ty ngân khoản hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Các Lưu ý Doanh nghiệp, Lưu ý Ngân khoản, Hướng dẫn quản trị thông qua quy tắc xác định mặt ngày chốt danh sách công. Các theo ngày ó, nh ngày ký và cách công hoặc ng sử dụng các ngân khoản khác quy định về tài, lãi suất, phân phối nhuận, nh các chi phí, nh thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan phân phối nhuận thể hiện theo quy định của pháp luật

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sẽ là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lựa chọn kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ thuê một người Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển nhượng trong trường hợp cần quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm nhiệm vụ kiểm tra trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kiểm toán theo quy định của Điều 47 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm tra thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm tài chính lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải công bố trên các công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, từ tài sản chính của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Hội đồng kiểm tra thường niên của năm tài chính của công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và ghi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính..
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác minh và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Ban sao của báo cáo kiểm toán cùng đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thể hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và các quy định các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ hội đồng có liên quan đến kiểm toán...

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể theo thời hạn theo quy định của hội đồng.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể thời hạn đã gia hạn) do hội đồng quyết định, Hội đồng quản trị thể hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nubtbc) theo quy định.

Điều 48. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị ưu tiên hoãn hội đồng ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động công ty có thể bị quy định vì gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo định nghĩa của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công ty có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện quy định có mặt từ hội đồng thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do hội đồng chọn và một thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm công việc của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia

c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. Tỉ n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tỉ n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c. Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
 - d. Các kho n vay (n u có);
 - e. Các kho n n khác c a Công ty;
 - f. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (e) trên ây s c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã s u tiên thanh toán tr c.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty hay t i quy n c a các c ông phát sinh t i u l hay t b t c quy n ho c ngh a v do Lu t Doanh nghi p hay các lu t khác ho c các quy nh hành chính quy nh, gi a:
 - a. Công v i Công ty; ho c
 - b. Công v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c i u hành hay cán b qu n lý cao c p

Các bên liên quan s c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hoà gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr s ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và s yêu c u t ng bên trình bày các y u t th c ti n liên quan n tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hoà gi i trong vòng sáu tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hoà gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài kinh t ho c Toà án kinh t .
3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hoà gi i. Các chi phí c a Toà án s do Toà phán quy t bên nào ph i ch u.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét quy t nh.

- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm XXI chương, 52 điều được sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất thông qua vào ngày 18 tháng 04 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều lệ được lập thành 08 bản, có giá trị như nhau và lưu trữ tại văn phòng Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty hoặc do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc do 1/2 tổng số thành viên HĐQT hoặc do người đại diện theo pháp luật ký sao y mới có giá trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC *XL*



TRƯỞNG THÀNH NHÂN